**I. DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả hàng hóa** | **Bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý** |
| 1 | Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ (trừ vật liệu nổ công nghiệp), trang thiết bị kỹ thuật quân sự. | Bộ Quốc phòng |
| 2 | Các sản phẩm mật mã sử dụng để bảo vệ thông tin bí mật Nhà nước. | Bộ Quốc phòng |
| 3 | a) Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.  b) Các loại sản phẩm văn hóa thuộc diện cấm phổ biến, lưu hành hoặc đã có quyết định đình chỉ phổ biến, lưu hành, thu hồi, tịch thu, tiêu hủy tại Việt Nam. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 4 | a) Các loại xuất bản phẩm thuộc diện cấm phổ biến và lưu hành tại Việt Nam.  b) Tem bưu chính thuộc diện cấm kinh doanh, trao đổi, trưng bày, tuyên truyền theo quy định của [Luật Bưu chính](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-buu-chinh-2010-108080.aspx" \t "_blank). | Bộ Thông tin và Truyền thông |
| 5 | Gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 6 | a) Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc; mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA, IB theo quy định tại Nghị định số [32/2006/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-32-2006-nd-cp-quan-ly-thuc-vat-dong-vat-rung-nguy-cap-quy-hiem-10831.aspx) xuất khẩu vì mục đích thương mại.  b) Mẫu vật và sản phẩm chế tác của loài: tê giác trắng (Ceratotherium simum), tê giác đen (Diceros bicomis), voi Châu Phi (Loxodonta africana).  c) Các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm nhóm I.  d) Các loài thủy sản thuộc Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu.  đ) Giống vật nuôi và giống cây trồng thuộc Danh mục giống vật nuôi quý hiếm và giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo quy định của [Pháp lệnh Giống vật nuôi](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Phap-lenh-giong-vat-nuoi-2004-16-2004-PL-UBTVQH11-51984.aspx" \t "_blank) năm 2004 và [Pháp lệnh Giống cây trồng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Phap-lenh-giong-cay-trong-2004-15-2004-PL-UBTVQH11-17596.aspx" \t "_blank) năm 2004. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7 | a) Hóa chất Bảng 1 được quy định trong Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học và Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số [38/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-38-2014-nd-cp-quan-ly-hoa-chat-thuoc-dien-kiem-soat-cua-cong-uoc-cam-vu-khi-hoa-hoc-228675.aspx) ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.  b) Hóa chất thuộc Danh mục hóa chất cấm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số [113/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-113-2017-nd-cp-huong-dan-luat-hoa-chat-346246.aspx) ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của [Luật hóa chất](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-hoa-chat-2007-06-2007-QH12-59653.aspx" \t "_blank). | Bộ Công Thương |